TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Ông **Trương Thoại Lượng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà **Huỳnh Mộng Kiều**, Kiểm sát viên

Ngày 21/5/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX-ST ngày 05/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Triệu Thị Thu D**, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 266/20, đường Trần Hưng Đạo, khóm Tâm Trung, phường 10, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Thạch L**, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Triệu Thị Thu D trình bày:

Vào năm 2008, bà và ông L có tổ chức lễ cưới, đến ngày 10/4/2013, bà và ông L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, bà và ông L có một con chung tên Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009, hiện nay bà đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau bà và ông L sống ly thân từ

năm 2014 cho đến nay. Nay bà Triệu Thị Thu D yêu cầu tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: bà D yêu cầu được ly hôn với ông Thạch L.

Về con chung: 01 con chung tên Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009, bà xin được nuôi dưỡng đến trưởng thành và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn Triệu Thị Thu D đã thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Thạch L là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Vào năm 2008, bà và ông L có tổ chức lễ cưới, đến ngày 10/4/2013, bà và ông L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, bà và ông L có một con chung tên Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009, hiện nay bà đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, bà và ông L không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Đối với bà D là nguyên đơn trong vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện thuận L về mặt thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, và mời tham dự các phiên hòa giải nhằm để động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà D tỏ ra không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Tại tòa, bà D vẫn kiên quyết ly hôn với ông L.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà D, ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và bà và ông L không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà D và ông L có 01 con chung Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009 chưa thành niên hiện đang sống chung với bà. Tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009 đến trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, trong thời gian bà D và ông L xảy ra mâu thuẫn, cháu N là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với bà D ổn định, để bảo đảm quyền L về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo nguyện vọng của cháu là được sống chung với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà D là giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông L không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Thu D, về con chung: Giao cháu Thạch Thị Thanh N cho bà D nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên bà D, ông L không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Thu D được ly hôn với ông Thạch L.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Thanh N, sinh ngày 26/9/2009 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng: Bà Triệu Thị Thu D không yêu cầu ông Thạch L cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét. Dành quyền thăm nôm chăm sóc con chung cho ông L không ai được quyền ngăn cản.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Triệu Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009921, ngày 05/02/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND phường 10, TPST, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn